

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VINH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---\*\*\*---

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2020

Về việc: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Nguyễn Thị Hoàn**

2. Ông **Nguyễn Công Thắm**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hải Yến**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**; Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 672/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Lê Thị Đ**; Sinh năm: 1977

*Nơi ĐKKHKT:* Khối 7, Phường H, thành phố V, NA.

*Nơi tạm trú:* Xóm 18, xã N, thành phố V, NA.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Thái N**; Sinh năm: 1976

*Nơi ĐKKHKT:* Khối 7, Phường H, thành phố V, NA.

Hiện đang thi hành án tại Đội 46, Phân trại số 1, Trại giam số 3, Cục C10 Bộ Công an, huyện T, tỉnh NA.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong "Đơn khởi kiện" ngày 20/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Thái N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/7/2001, do hai

người tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện QL, tỉnh NA. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khối 7, phường H cùng bố mẹ anh N; tình cảm vợ chồng thời gian đầu hoàn toàn bình thường. Đến năm 2006 thì anh N bị xử phạt 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nên phải đi thi hành án tại Trại giam số 3, Cục C10, Bộ Công an. Thời gian đầu anh N đi thi hành án thì chị vẫn lên thăm gặp anh nhưng từ năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ cuối năm 2019 cho đến nay, chị và ba con về sinh sống tại xóm 18, xã N, thành phố V, vợ chồng không quan tâm, thăm hỏi lẫn nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh N lại nghe lời bên nội nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Do đó, đến nay chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh N.

- *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Tuấn K; Sinh ngày: 17/02/2009; Nguyễn Tuấn Q; Sinh ngày: 28/12/2014 và Nguyễn Lê Hà V; Sinh ngày: 26/02/2019. Nay ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu; không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- *Về quan hệ tài sản:* Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 04/3/2020 và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thái N trình bày: Anh và chị Lê Thị Đ đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/7/2001, do hai người tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện QL, tỉnh NA. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng thời gian đầu hoàn toàn bình thường. Đến năm 2006 thì anh bị xử phạt 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nên phải đi thi hành án tại Trại giam số 3, Cục C10, Bộ Công an. Thời gian đầu anh đi thi hành án thì chị Đ vẫn lên thăm gặp anh nhưng thời gian gần đây thì chị Đ ít quan tâm đến anh. Đến nay chị Đ làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, bản thân anh nhận thấy thời gian thi hành án của anh cũng đã lâu, ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nên chị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý.

- *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Tuấn K; Sinh ngày: 17/02/2009; Nguyễn Tuấn Q; Sinh ngày: 28/12/2014 và Nguyễn Lê Hà V; Sinh ngày: 26/02/2019. Nay ly hôn, anh đồng ý giao cả ba cháu cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh do chị không yêu cầu.

- *Về quan hệ tài sản:* Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết, do anh đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 3, Cục C10, Bộ Công an nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân – gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: +. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Thái N được ly hôn.

+ . Về nuôi con chung: Đề nghị giao 3 cháu Nguyễn Tuấn K; Sinh ngày: 17/02/2009; Nguyễn Tuấn Q; Sinh ngày: 28/12/2014 và Nguyễn Lê Hà V; Sinh ngày: 26/02/2019 cho chị Lê Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Thái N.

+ . Về tài sản: Đề nghị miễn xét.

+ . Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí xin ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 20 tháng 11 năm 2019, chị Lê Thị Đ có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án nhân dân thành phố Vinh yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Thái N. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì anh Nguyễn Thái N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối 7, phường H, thành phố V nên Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Thái N là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và đã có Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thái N.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Đ:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Thái N được xác lập trên cơ sở do hai người tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có với nhau ba người con chung. Tuy nhiên,

hạnh phúc gia đình không xây dựng được bền vững do anh N phải đi chấp hành án phạt tù với thời gian dài làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng mất mát. Trước Tòa hôm nay, chị Đ vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Tại Bản tự khai anh Nguyễn Thái N cũng thừa nhận thời gian thi hành án của anh cũng đã lâu, ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nên chị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân - gia đình nên chấp nhận.

[2.2]. Về việc nuôi con chung: Tại Bản tự khai cũng như tại phiên tòa, chị Đ trình bày vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Tuấn K; Sinh ngày: 17/02/2009; Nguyễn Tuấn Q; Sinh ngày: 28/12/2014 và Nguyễn Lê Hà V; Sinh ngày: 26/02/2019. Nay ly hôn, chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu. Tại Bản tự khai, anh N cũng thừa nhận có ba con chung và cũng đồng ý giao cả ba cháu cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét thấy anh N hiện nay đang phải đi chấp hành án phạt tù, không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Mặt khác, từ trước tới nay chị Đ vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu phát triển hoàn toàn bình thường nên cần tiếp tục giao cả ba cháu cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu cũng như phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Đ xin được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Thái N.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Đ, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản nên miễn xét.

[3]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Đ.

*1. Về quan hệ hôn nhân:*

Cho chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Thái N được ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*: Giao ba con chung Nguyễn Tuấn K; Sinh ngày: 17/02/2009; Nguyễn Tuấn Q; Sinh ngày: 28/12/2014 và Nguyễn Lê Hà V; Sinh ngày: 26/02/2019 cho chị Lê Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Lê Thị Đ cho anh Nguyễn Thái N do chị Đ không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Thái N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về quan hệ tài sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*.Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002413 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vinh.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND thành phố Vinh
- Chi cục THADS thành phố Vinh
- UBND xã Q, huyện QL, NA
- (Theo Giấy CNKH số 13/2001, ngày 02/7/2001)
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Nga**

